

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2024/HSST

Ngày: 24- 01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Hạnh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Thảo
2. Ông Lê Văn Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Lệ Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 24-01-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 127/2023/TLST- HS ngày 27 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đàm Lê T - Sinh năm 1989; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Lê C và bà Hoàng Thị D; vợ Nguyễn Thị T1, có 03 con: lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2016, Công an thành phố S, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, hình thức: phạt tiền (đã nộp phạt năm 2019). Tạm giữ ngày 03/10/2023, đến ngày 12/10/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Huy Q - Sinh năm 1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Phố G, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huy C1 và bà Hoàng Thị H; vợ Nguyễn Thanh T2, có 02 con: lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 19/6/2020, Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe

của người khác” với hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng (đã nộp ngày 26/6/2020); Ngày 16/5/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội “ Gây rối trật tự công cộng”. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Phân trại số 3, trại giam T4, Bộ C2 (xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trịnh Ngọc Đ - Sinh năm 1985. Địa chỉ: Số nhà C khu phố B, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Đặng Đình N i- Sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Lê Hữu V - Sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn F, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Đều vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bản thân không có việc làm ổn định, lại sẵn có nguồn vốn nên từ ngày 26/3/2022 đến ngày 03/10/2023, Đàm Lê T đã nhờ Nguyễn Huy Q cùng thực hiện hành vi cho nhiều người vay tiền dưới hình thức “vay theo kỳ hạn” (01 tháng) với lãi suất 3.000 đồng /01 triệu /01 ngày đến 5.000 đồng/01 triệu /01 ngày, tương đương với mức lãi suất từ 109,5%/1 năm đến 182,5%/1 năm (gấp 5,5 lần đến 9,1 lần lãi suất tối đa quy định trong Bộ luật dân sự). Khách hàng có thể liên hệ trực tiếp với T hoặc T giao cho Q viết giấy và làm thủ tục vay tiền sau khi kiểm tra thông tin về người vay. T và Q thỏa thuận cho khách vay tiền trong thời hạn nhất định và thu lãi theo tháng (30 ngày) với các gói vay theo kỳ hạn. Tuy nhiên, tùy theo nhu cầu, điều kiện, khách hàng và T, Quyền thỏa thuận miệng hàng tháng đóng lãi đầy đủ, gốc khi nào trả cũng được. Trong quá trình thực hiện cho các khách vay tiền, Nguyễn Huy Q tham gia giúp cho T trong thời gian từ ngày 26/3/2022 đến ngày 05/7/2023 thì đi chấp hành án 24 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại phân trại số C, Trại tạm giam T4, Bộ C2 trong một vụ án khác nên không tham gia cùng T và hưởng lợi từ việc cho các khách vay tiền sau đó. Cụ thể các khách hàng vay tiền như sau:

1. Ngày 26/3/2022, anh Trịnh Ngọc Đ vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận vay 01 tháng, với lãi suất 3.000 đồng /01 triệu /01 ngày. Mỗi tháng anh Đ phải trả cho T 900.000 đồng tiền lãi. Anh Đ trả lãi hết tháng 9/2023 là 18 tháng, tính ra là 16.200.000 đồng. Anh Đ chưa trả tiền gốc. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện và ngăn chặn vào ngày 03/10/2023, tổng số tiền lãi T nhằm thu là 16.380.000 đồng (trong đó tiền lãi thu theo quy định của Bộ luật dân sự 20%/năm là 2.991.800 đồng, tiền thu lời bất chính là 13.388.200 đồng). Số tiền lãi T đã thu là 16.200.000 đồng (trong đó tiền lãi thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 2.958.000 đồng, tiền thu lời bất chính là 13.241.000 đồng). T phải chịu trách nhiệm hình sự về toàn bộ số tiền trên. Quyền phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền lãi đã thu tính đến ngày

04/7/2023 là 13.740.000 đồng (trong đó tiền lãi được thu theo quy định 20%/năm là 2.509.600 đồng, tiền thu lời bất chính là 11.230.400 đồng).

2. Ngày 04/4/2022 anh Đặng Đình N1 vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, với lãi suất 5.000 đồng /01 triệu /01 ngày. Mỗi tháng anh N1 phải trả cho T 2.250.000 đồng tiền lãi. Anh N1 đã trả lãi hết tháng /2023 là được 11 tháng, bằng 24.750.000 đồng. Sau đó anh N1 xin trả dần tiền gốc và không phải trả tiền lãi. Đến nay anh N1 vẫn chưa trả tiền gốc. Tổng số tiền lãi các bị cáo đã thu là 24.750.000 đồng (trong đó tiền lãi thu theo quy định 20%/năm là 2.712.300 đồng, thu lời bất chính số tiền 22.037.700 đồng).

3. Ngày 28/6/2022, anh Lê Hữu V vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, với lãi suất 5.000 đồng /01 triệu /01 ngày. Mỗi tháng anh V phải trả 1.500.000 đồng tiền lãi. T cắt lãi trước 1.500.000 đồng, anh V thực nhận 8.500.000 đồng. Anh V trả lãi được 01 tháng với số tiền 1.500.000 đồng rồi bỏ đi không trả tiền gốc và tiền lãi. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện và ngăn chặn vào ngày 03/10/2023, tổng số tiền lãi T nhằm thu là 22.700.000 đồng (trong đó tiền lãi thu theo quy định 20%/năm là 2.487.700 đồng, thu lời bất chính 20.212.400 đồng. Số tiền lãi đã thu là 1.500.000 đồng (trong đó tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 164.400 đồng, tiền thu lời bất chính là 1.335.600 đồng). Bị cáo Nguyễn Huy Q phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền lãi nhằm thu tính đến ngày 04/7/2023 là 18.300.000 đồng (trong đó tiền lãi thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 2.005.500 đồng, tiền thu lời bất chính là 16.294.500 đồng).

Trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm anh Đặng Đình N1, Trịnh Ngọc Đ, Lê Hữu V đề nghị trả lại tiền thu lời bất chính đã thu.

Về vật chứng:

- Ngày 03/10/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đàm Lê T ở phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa thu giữ số tiền 264.500.000 đồng.

- Ngày 03/10/2023, tạm giữ 01 điện thoại di động iPhone XS Max màu vàng có số imei 357282096814051, lắp số sim 084.520.2222 do Đàm Lê T giao nộp.

- Ngày 03/10/2023, tạm giữ 03 giấy vay tiền do Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989, ở T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa là vợ Đàm Lê T giao nộp.

- Đối với điện thoại của Nguyễn Huy Q lắp số sim 0962.672.678 sử dụng gọi điện nhắc nợ và đi thu nợ của các khách vay, bị can trình bày đã vứt bỏ không sử dụng từ khi đi chấp hành án nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- Ngày 14/11/2023, Cơ quan điều tra tạm giữ số tiền 42.450.000 đồng do Đàm Lê T giao nộp.

- Đối với số tiền 264.500.000 đồng thu giữ khi khám xét nơi ở của Đàm Lê T ở phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, quá trình điều tra xác định đây là tiền của Đàm Lê T và chị Nguyễn Thị T1 (vợ T) vay của anh Lê Xuân T3, sinh năm

1978, trú tại phố G, phường Q, thành phố T để sử dụng vào mục đích thanh toán tiền xây dựng nhà ở, không sử dụng vào mục đích phạm tội. Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý đồ vật tài liệu bằng hình thức trả lại cho Đàm Lê T là chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 điện thoại di động iPhone XS Max màu vàng có số imei 357282096814051, lắp số sim 084.520.2222 do Đàm Lê T giao nộp là điện thoại T sử dụng liên hệ các khách vay tiền, đi thu tiền lãi, chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 42.450.000 đồng do Đàm Lê T giao nộp, quá trình điều tra xác định đây là tiền lãi bị can có được từ hành vi phạm tội nên chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa để xử lý theo quy định.

Tại cáo trạng số 355/CTr-VKSTP ngày 25/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Đàm Lê T, Nguyễn Huy Q về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đàm Lê T từ 60 triệu đến 70 triệu đồng.

- Khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Huy Q từ 50 triệu đến 60 triệu đồng.

- Về biện pháp tư pháp: Đề nghị truy thu từ anh Trịnh Ngọc Đ: 10.000.000 đồng, anh Đặng Đình N1: 15.000.000 đồng, anh Lê Hữu V: 8.500.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước. Truy thu từ bị cáo Đàm Lê T số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự 5.835.700 đồng để nộp ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo Đàm Lê T phải trả cho những người vay khoản tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật dân sự, cụ thể: trả cho anh Trịnh Ngọc Đ: 13.241.000 đồng, trả cho anh Đặng Đình N1: 22.037.700 đồng, trả cho anh Lê Hữu V: 1.335.600 đồng.

- Về vật chứng: Tịch thu 01 điện thoại di động Iphone XS max, màu vàng, Imel 357282096814051(của Đàm Lê T).

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu

nại gì.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Từ ngày 26/3/2022 đến ngày 03/10/2023, Đàm Lê T đã sử dụng tiền cá nhân tổng cộng là 33.500.000 đồng để cho các khách vay và nhờ Nguyễn Huy Q làm hợp đồng và thu nợ của các khách vay, với mức lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày đến 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm (gấp 5,5 lần đến 9,1 lần lãi suất tối đa quy định trong Bộ luật dân sự). Đàm Lê T nhằm thu số tiền lãi 63.830.000 đồng (trong đó tiền lãi thu theo quy định 20%/năm là 8.191.800 đồng, tiền thu lời bất chính là 55.638.200 đồng). Nguyễn Huy Q nhằm thu số tiền lãi tính đến ngày 04/7/2023 là 56.790.000 đồng (trong đó tiền lãi thu theo quy định 20%/năm là 7.227.400 đồng, tiền thu lời bất chính là 49.562.600 đồng). Số tiền các bị cáo đã thu là 42.450.100 đồng (trong đó, tiền lãi thu theo quy định 20%/năm là 5.835.700 đồng, tiền thu lời bất chính là 36.614.400 đồng). Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của các bị cáo Đàm Lê T, Nguyễn Huy Q đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng pháp luật.

[3]. Tính chất vụ án, vai trò của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm lợi ích công dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội với hình thức đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Đàm Lê T là người sử dụng tiền cá nhân cho khách hàng vay, nhờ Nguyễn Huy Q hỗ trợ giúp việc cho T, tiền thu lời từ các khách hàng bị cáo T là người trực tiếp quản lý, sử dụng nên bị cáo có vai trò chính; Nguyễn Huy Q được T nhờ làm thủ tục cho khách, liên hệ với khách hàng thu gốc lãi về cho T nên Q có vai trò thứ hai trong vụ án.

[4]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

4.1. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đều không có tiền án, tiền sự. Nhân thân: Bị cáo T năm 2016, Công an thành phố S, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”; bị cáo Q: tháng 6/2020, Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”; tháng 5/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, hiện đang chấp hành án.

4.2. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo (điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự). Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự

nguyên nộp tiền thu bất hợp pháp để khắc phục cho những người vay, được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; đã đầu thú hành vi phạm tội là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng hình phạt chính bằng tiền để nộp Ngân sách nhà nước đối với bị cáo; bị cáo Q hiện đang chấp hành án, lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có vai trò thứ hai (sau bị cáo T) và để đảm bảo cho việc thi hành án của bị cáo đối với 02 bản án nên áp dụng cho bị cáo hình phạt chính bằng tiền là phù hợp.

[6]. Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc 33.500.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng cho các anh Trịnh Ngọc Đ, Đặng Đình N1, Lê Hữu V vay nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Số tiền gốc 33.500.000 đồng, người vay chưa trả cho các bị cáo nên cần truy thu của các anh Đ, N1, V để nộp vào ngân sách nhà nước (anh Đ: 10.000.000 đồng, anh N1: 15.000.000 đồng, anh V: 8.500.000 đồng).

- Đối với khoản tiền lãi thu được từ những người vay, bị cáo Đàm Lê T là người được hưởng, sử dụng, bị cáo Nguyễn Huy Q không được hưởng và ăn chia (thỉnh thoảng T cho Q vài trăm tiêu vặt); tại phiên tòa bị cáo T tự nguyện chịu trách nhiệm đối với khoản tiền lãi này nên cần truy thu từ bị cáo Đàm Lê T để nộp vào ngân sách nhà nước. Cụ thể:

Đối với khoản tiền lãi suất giới hạn 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự: 5.835.700 đồng. Đây là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội cần truy thu bị cáo Đàm Lê T để nộp vào ngân sách nhà nước, theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với khoản tiền lãi suất bị cáo thu của người vay vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự: 36.614.300 đồng, cần buộc bị cáo Đàm Lê T phải trả lại cho người vay, cụ thể: trả cho anh Trịnh Ngọc Đ: 13.241.000 đồng, trả cho anh Đặng Đình N1: 22.037.700 đồng, trả cho anh Lê Hữu V: 1.335.600 đồng.

Tổng số tiền bị cáo T phải chịu là 42.450.000 đồng (gồm 5.835.700 đồng tịch thu nộp ngân sách Nhà nước và 36.614.300 đồng bị cáo T phải trả cho những người vay), được trừ vào số tiền 42.450.000 đồng bị cáo T đã tự nguyện nộp hiện đang ở tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

[7]. Về vật chứng: 01 điện thoại di động Iphone XS max, màu vàng, Imel 357282096814051; điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc bên trong là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo T);

- Khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Q);

- Điểm a, b Khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Đàm Lê T, Nguyễn Huy Q phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt:

- Phạt bị cáo Đàm Lê T: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Phạt bị cáo Nguyễn Huy Q: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu từ bị cáo Đàm Lê T 5.835.700 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; buộc bị cáo Đàm Lê T phải trả cho anh Trịnh Ngọc Đ: 13.241.000 đồng, trả cho anh Đặng Đình N1: 22.037.700 đồng, trả cho anh Lê Hữu V: 1.335.600 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải chịu là 42.450.000 đồng, được trừ vào số tiền 42.450.000 đồng bị cáo T đã tự nguyện nộp vào tài khoản số 3949 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa tại Kho bạc Nhà nước T5 (Bị cáo T đã nộp đủ, theo Biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 72/2024/THA ngày 29/12/2023 giữa Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa).

- Truy thu từ anh Trịnh Ngọc Đ 10.000.000 đồng, trừ vào số tiền 13.241.000 đồng bị cáo T trả, anh Đ được nhận lại 3.241.000 đồng.

- Truy thu từ anh Đặng Đình N1 15.000.000 đồng, trừ vào số tiền 22.037.700 đồng bị cáo T trả, anh N1 được nhận lại 7.037.700 đồng.

- Truy thu từ anh Lê Hữu V 8.500.000 đồng, trừ số tiền 1.335.600 đồng bị cáo T trả, anh V phải nộp tiếp 7.164.400 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động Iphone XS max, màu vàng, Imel 357282096814051; điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc bên. Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 72/2024/THA ngày 29/12/2023 giữa Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7,9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người CQLNVLQ;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Công an TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thị Minh Hạnh